

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 07 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Phạm Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 18/3/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 29/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 12/4/2019, đối với bị cáo:

Hoàng Thanh H, sinh năm 19..; nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú tại Thôn Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; con ông Hoàng Văn M và con bà Nguyễn Thị Th; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; có 02 người con (sinh năm ...); nghề nghiệp, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/3/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng kết án 18 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (đang chấp hành án hình phạt tù tại Công an huyện Di Linh).

*** Bị hại:** Trần Tuấn C, sinh năm 1998;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Võ Thị V, sinh năm 1977 (Bà và bị hại cùng nơi cư trú tại số nhà 48A, ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

2. Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú tại ấp Phương Mai, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Trần N, sinh năm 1993; nơi cư trú tại số nhà 57, đường Lương Thế Vinh, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

4. Hoàng D, sinh năm 1989;

5. Trần Ngọc H, sinh năm 1987 (Lâm, Hân cư trú tại ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

6. Mai D, sinh năm 1998; nơi cư trú tại ấp Phú Tân, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

7. Nguyễn V, sinh năm 1988; nơi cư trú tại Thôn Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo và bà V có mặt tại phiên tòa, người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/11/2018, bị hại dùng xe mô tô biển số 60B3-48408 đến nhà Nguyễn Hoàng Đ có gặp bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 39T1-3802 . Bị cáo cùng Đ và bị hại cùng đi xe đến quán nét “Quang Sơn” tại ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú. Bị cáo có mượn xe của bị hại để sử dụng hoạt động cá nhân của bị cáo và bị cáo đã điều khiển xe biển số 60B3-48408 đến huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cầm cố xe với ông Nguyễn V có được 3.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 83/KLHĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận: Xe mô tô biển số 60B3-48408 có giá trị 13.500.000 đồng.

Cáo trạng số 22/CT-VKSTP-ĐN ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú quyết định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Kiểm sát viên luận tội như sau:

Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên nội dung Cáo trạng, quyết định truy tố;

Bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, cần có hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố: Bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt các bản án đối với bị cáo.

Về vật chứng: Bị hại đã nhận xe mô tô biển số 60B3-48408, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét; bị cáo sử dụng số tiền cầm cố xe do phạm tội mà có 3.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung vào công quỹ nhà nước.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung Cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có khiếu nại trong giai đoạn điều tra, truy tố. Các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Các đương sự, bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, có thể công bố lời khai của họ để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Viện

kiểm sát, quyết định xét xử vụ án vắng mặt đương sự, bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo trình bày ý kiến nội dung Cáo trạng đúng sự thật, không có ý kiến tranh luận. Ý kiến trình bày của bị cáo phù hợp với tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử kiểm tra tại phiên tòa, như: Lời khai của bị hại, đương sự, kết luận định giá tài sản, vật chứng. Các chứng cứ này là tài liệu chứng minh, kết luận: Hành vi thực hiện tội phạm nêu trên của bị cáo là phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động, làm những việc có ích lợi đối với bị cáo, gia đình và xã hội, nhưng bị cáo có hành vi gian dối lừa đảo người bị hại chiếm đoạt tài sản, gây ra thiệt hại đối với bị hại và ông V. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, nguy hiểm cho xã hội, vụ án xảy ra làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đang phải chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng với mức hình phạt 18 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo lao động, học tập trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quyết định thi hành án hình phạt tù số 37/2019/QĐ-CA ngày 17/4/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án trên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh theo khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đến nay, ông Nguyễn V, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về vật chứng của vụ án xử lý như sau:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại bị hại xe mô tô biển số 60B3-48408 là đúng pháp luật;

Bị cáo cầm cố xe biển số 60B3-48408 với ông Nguyễn V có được số tiền 3.500.000 đồng sử dụng. Đây là tiền thu lợi bất chính, bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với các xe mô tô biển số 39T1-3802 và 51U6-0189, thì Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa xác minh được nguồn gốc xe để xử lý trong cùng vụ án, tiếp tục xác minh để giải quyết sau;

Xử lý vật chứng như trên là đúng với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 30, điểm b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 30, điểm b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Hoàng Thanh H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án hình phạt tù;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã kết án đối với bị cáo là 18 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2018;

Tổng hợp hình phạt của các bản án bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù, về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2018.

* Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn V, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không giải quyết;

Bị cáo phải nộp lại số tiền 3.500.000đ (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng (có quyền nhận Bản án);
 - Công an huyện Tân Phú (2);
 - VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
 - Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
 - UBND nơi cư trú của bị cáo
- {để thay thông báo kết quả xét xử};*
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa án huyện Tân Phú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính

